

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DS-ST
Ngày 16/4/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Đình Sở

2. Bà Nguyễn Thị Tâm

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tuấn Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2018/TLST - DS ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đinh Công Th - SN: 1985(Có mặt)

Địa chỉ: Khu D 2 - xã V M - huyện Th S - tỉnh Phú Thọ

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Thuyết: Ông Bùi Đức Dũng – Trợ giúp viên – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Hà Anh T - SN: 1983 (Vắng mặt)

và chị Nguyễn Thị Thanh T - SN: 1986(Vắng mặt)

Trú tại: Xóm C - xã V M - huyện Th S - tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Đinh Công Th trình bày: Năm 2016, anh cho vợ chồng anh T, chị T vay tiền 02 lần để làm nhà. Lần 1 vay 40.000.000đ, lần 2 vay 20.000.000đ. Tổng số tiền anh T, chị T vay tôi là 60.000.000đ, lãi xuất 5%/ 1 tháng. Do vợ chồng anh T, chị T không trả lãi

theo thỏa thuận nên ngày 26/01/2017, anh và anh T, chị T thống nhất lập “*Biên bản vay tiền*”, các bên cùng ký vào biên bản. Do khi vay anh T, chị T không có chứng minh nhân dân nên khi viết Biên bản vay tiền anh ghi tên Hà Văn T và vợ là Hà Thị T. Về số tiền vay là 78.000.000đ là hai bên thống nhất tính tổng cả tiền gốc và tiền lãi chưa trả từ khi vay. Khi ký vào giấy biên nhận, anh T ký và ghi đúng họ tên theo chứng minh nhân dân, chị T ký và ghi là Nguyễn Thị T. Nay tôi yêu cầu vợ chồng anh T, chị T phải trả tôi số tiền gốc là 60.000.000đ và lãi suất là 1 %/ 1 tháng tính từ ngày 01/6/2017 đến khi giải quyết xong vụ án.

* Bị đơn- anh Hà Anh T và chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng thống nhất thể hiện quan điểm tại bản tự khai ngày 11/3/2019 như sau: Năm 2017, vợ chồng anh chị có vay của anh Th ở xóm Dẹ 2 - xã V M tổng số tiền là 60.000.000đ, vay 2 lần: Lần 1 là 40.000.000đ; lần 2 là 20.000.000đ. Cả 2 lần vay vợ anh chị có viết Biên nhận và cả hai vợ chồng cùng ký, lãi suất 6%/ 1 tháng. Vợ chồng đã trả 5.000.000đ vào cuối năm 2018(Khi trả không có giấy tờ biên nhận gì). Ngoài ra năm 2017 anh T đi làm với anh Th 4 tháng, mỗi tháng trả được cho anh Th 3.800.000đ, tổng số tiền đã trả năm 2017 là 15.200.000đ. Khi trả hai bên không làm giấy tờ gì, anh Th tự vào sổ theo dõi. Nay anh Th khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh chị trả 78.000.000đ là không thực tế vì vợ chồng anh chỉ vay 60.000.000đ, vợ chồng anh đã trả 20.200.000đ, nay chỉ còn = 39.800.000đ. Anh chị yêu cầu anh Th tính lãi suất từ khi vay lần 1 tháng 4 năm 2017, lần 2 vào tháng 6 năm 2017 tính theo lãi suất ngân hàng tại thời điểm vay. Vì điều kiện anh T, chị T đi làm xa không thể đến Tòa án làm việc được đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh chị .

Quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích cho Nguyên đơn: Đề nghị HĐXX công nhận Hợp đồng vay tiền lập ngày 26/01/2017 giữa anh Đình Công Th với vợ chồng anh Hà Anh T, chị Nguyễn Thị Thanh T vì: Hợp đồng vay tiền được xác lập trên cơ sở tự nguyện của hai bên, không vi phạm điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự qui định tại Điều 117- BLDS 2015.

Về yêu cầu trả lãi: Nguyên đơn- anh Th yêu cầu bị đơn trả lãi 1%/tháng là phù hợp qui định tại Điều 468-BLDS.

Từ những phân tích trên, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đình Công Th.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn:

* Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn thực hiện không nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của đương sự qui định tại Điều 70 + 72- BLTTDS.

* Về nội dung: Căn cứ các Điều 463, 466, 468- BLDS 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đình Công Thuyết. Buộc anh Hà Anh T, chị Nguyễn

Thị Thanh T phải trả cho anh Th 60.000.000đ tiền nợ gốc và tiền nợ lãi là 1%/tháng tính từ 01/6/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi chậm trả 1%/tháng, đây là tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã Văn Miếu-huyện Thanh Sơn – tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35- BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn- tỉnh Phú Thọ. Ngày 11/4/2019, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp qui định tại khoản 1 Điều 228- BLTTDS.

Về sự vắng mặt của bị đơn- anh Hà Anh T và chị Nguyễn Thị Thanh T: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các qui định của tố tụng dân sự về Cấp, Tổng đạt, Thông báo các văn bản tố tụng cho các bị đơn nhưng các bị đơn vẫn cố tình không thực hiện quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng nên Tòa án tiến không thể tiến hành hòa giải được. Căn cứ qui định tại điểm b, khoản 2 điều 227- BLTTDS 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về “*Biên bản vay tiền*” ngày 26/01/2017: Căn cứ và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, các tài liệu chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập đã chứng minh “ *Biên bản vay tiền*” ngày 26/01/2017 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận giữa anh Đinh Công Th và anh Hà Anh T, chị Nguyễn Thị Thanh T để chốt số tiền gốc, lãi anh T, chị T còn nợ anh Th từ năm 2016. Do anh T, chị T không xuất trình chứng minh thư nhân dân nên khi viết biên bản vay tiền, anh Th viết tên người vay là “*Hà Văn T và Hà Thị T*”. Nhưng khi ký biên bản, anh T, chị T ghi đúng tên đệm và họ của mình tại mục “ *người vay tiền*”. Theo nội dung tại biên bản thì bên cho vay tiền là anh Đinh Công Th, bên vay tiền là anh T, chị T, tổng số tiền vay = 78.000.000đ, không ghi lãi suất, nhưng hai bên đều thừa nhận có thỏa thuận trả lãi hàng tháng. Thời hạn vay đến ngày 30/5/2017. Quá trình tố tụng tại Tòa án, anh Th chỉ yêu cầu anh T, chị T phải trả cho anh số tiền gốc vay thực tế = 60.000.000đ, lãi suất = 1%/ tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày kết thúc thời hạn vay tiền. Phía bị đơn- anh T, chị T cũng thể hiện ý chí tại bản tự khai ngày 11/3/2019 (BL23-24), xác nhận có vay anh Th số tiền 60.000.000đ, khi vay vợ chồng anh chị ký vào văn bản do anh Th viết. Sự thừa nhận của Nguyên đơn, Bị đơn và các tài liệu khác có tại hồ sơ đủ cơ sở để HĐXX kết luận: “*Biên bản vay*

tiền”, được xác lập ngày 26/01/2017, là giao dịch hợp pháp giữa anh Đinh Công Th với anh Hà Anh T và chị Nguyễn Thị Thanh T.

[3]. Về yêu cầu được khấu trừ số tiền 20.200.000đ đã trả cho anh Tht vào tiền gốc của anh T, chị T : Tại bản tự khai, anh T, chị T trình bày đã trả anh Th số tiền 20.200.000đ, nhưng anh Th bác bỏ ý kiến của anh T, chị T về số tiền đã trả. Phía bị đơn- anh T, chị T không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình có căn cứ. Do vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khấu trừ số tiền 20.200.000đ của anh T, chị T.

[4]. Về lãi suất: Bị đơn yêu cầu tính lãi theo lãi suất ngân hàng. Nguyên đơn anh Đinh Công Th yêu cầu tính lãi chậm trả đối với số tiền nợ gốc 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) theo mức lãi xuất là 1%/ tháng kể từ ngày 01/ 6/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 16/4/2019 = 21 tháng, 16 ngày là phù hợp với qui định tại Điều 468- Bộ luật dân sự 2015.

Từ những phân tích trên HĐXX kết luận: Những phân tích đánh giá về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn tại phiên tòa có căn cứ qui định tại các Điều 463, 466, 468- Bộ luật dân sự 2015. Buộc bị đơn- anh Hà Anh T và chị Nguyễn Thị Thanh T phải trả cho Nguyên đơn-anh Đinh Công Th 60.000.000đ tiền gốc và lãi suất chậm trả 1% tháng tính từ ngày 01/6/2017 đến ngày xử sơ thẩm: $60.000.000đ \times 1\% \times 21 \text{ tháng}, 16 \text{ ngày} = 12.920.000đ$.

[5]. Về án phí: Vì yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn- anh Hà Anh T, chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 357 - Bộ luật dân sự, Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 147-Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Công Th.

Buộc anh Hà Anh T, chị Nguyễn Thị Thanh T phải có nghĩa vụ trả cho anh Đinh Công Th toàn bộ số tiền nợ gốc = 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) và 12.920.000đ (Mười hai triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng) tiền lãi. Tổng cộng

anh T, chị T phải trả cho anh Th số tiền = 72.920.000đ (bảy mươi hai triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án(anh Đinh Công Th) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành(Anh Hà Anh T và chị Nguyễn Thị Thanh T), còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357- BLDS 2015

2. Về án phí: Anh Hà Anh T, chị Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 3.646.000đ (ba triệu sáu trăm, bốn mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh Đinh Công Th 1.950.000đ (một triệu chín trăm năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0001569 ngày 17/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn- anh Hà Anh T, chị Nguyễn Thị Thanh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã Văn Miếu- huyện Thanh Sơn để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh + huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Văn Miếu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Bích Thủy